TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HS-ST
Ngày: 16 - 11 -2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Ông Võ Chí Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

- Nguyễn Thị Hoàng Đ, sinh năm: 1978; tại LA; nơi cư trú: Ấp 3, xã PT, huyện CĐ, tỉnh LA; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 04/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn Đỏ (chết) và bà: Ngô Thị Điểm, sinh năm: 1945; có chồng tên: Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1973 và có 01 người con, sinh năm: 1998.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 10/6/2022 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- Đại diện hợp pháp của bị hại (ông Đặng Minh T, đã chết):

1. Ông Đặng Văn Nh, sinh năm: 1949 – Là cha đẻ của ông T (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã LH, huyện CĐ, tỉnh LA.

2. Chị Phan Thị Kim L, sinh năm: 1984 – Là vợ của ông T (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã PT, huyện CĐ, tỉnh LA.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã PT, huyện CĐ, tỉnh LA.

- *Người làm chứng*: Bà Phan Thị Nga, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã PT, huyện CĐ, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/4/2022, Nguyễn Thị Hoàng Đ không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 62L1-689.54 có dung tích xy lanh là 109 cm^3 chở bà Phan Thị Nga ngồi phía sau, lưu thông trên đường Bờ Mồi, hướng từ xã Tân Lân đến xã PT, huyện CĐ, tỉnh LA. Lúc này, Đ điều khiển xe với tốc độ khoảng 30km/h. Khi đến đoạn đường thuộc Ấp 7, xã PT, Đ thấy hướng ngược chiều có xe mô tô biển số 51ZA-5677 do anh Đặng Minh T điều khiển lưu thông. Lúc này, Đ thấy T điều khiển xe chạy qua phần đường bên phải của Đ lưu thông nên Đ điều khiển xe đánh lái sang phần đường bên trái để tránh xe của anh T nhưng không kịp nên xe mô tô do Đ điều khiển va chạm với xe mô tô biển số 51ZA-5677 của anh T gây tai nạn bên phần đường bên phải hướng xe của anh T điều khiển. Hậu quả, anh T bị tử vong tại hiện trường.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 57/TT ngày 13/4/2022 của Trung tâm pháp y - Sở y tế LA, kết luận đối với Đặng Minh T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Mổ vùng đầu: Bầm tụ máu dưới da và trong cơ thái dương bên phải. Vỡ lún xương hộp sọ vùng thái dương đỉnh phải và đỉnh trái, các mảnh vỡ bung ra ngoài để lộ tổ chức não dập và máu tụ lượng nhiều.

2. Nguyên nhân chết: Nạn nhân Đặng Minh T, sinh năm: 1976, tử vong do chấn thương sọ não nặng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về hóa pháp số HST 402/ĐC.2022, ngày 13/4/2022 của Trung tâm Pháp y Thành Phố Hồ Chí Minh kết luận nồng độ Ethanol trong máu của Đặng Minh T là 274,33 mg/100ml.

Căn cứ vào sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lập lúc 14 giờ 20 phút ngày 03/4/2022 giữa xe mô tô biển số 62L1-689.54 và xe mô tô biển số 51ZA-5677 xác định: Hiện trường xảy ra tại đoạn đường cong, được trải nhựa, mặt đường bằng phẳng, có chiều rộng 5,6m, có vạch kẻ đứt quãng chia mặt đường thành 02 phần đường riêng biệt, phần đường hướng từ xã Tân Lân đi xã PT rộng 2,7m, phần đường ngược lại rộng 2,9m.

Chọn trụ 21 bên lề phải theo hướng từ xã PT đến xã Tân Lân làm điểm mốc cố định và chọn lề bên phải theo hướng trên làm mép đường chuẩn để tiến hành đo đạc.

Từ trụ số 21 kéo một đoạn dài 10,6m theo hướng từ xã PT đi xã Tân Lân là tâm trục bánh trước xe mô tô biển số 62L1-689.54, xe mô tô biển số 62L1-689.54 được ký hiệu là (1).

(1) ngã về bên trái, đuôi (1) hướng về xã Tân Lân, đầu (1) hướng về xã PT, tâm trục bánh trước và bánh sau đo vào mép đường chuẩn lần lượt là 0,6m và 0,7m. Từ

tâm trục bánh trước kéo một đoạn dài 0,7m hướng về xã PT là tâm trục bánh trước của xe mô tô biển số 51ZA-5677, xe mô tô biển số 51ZA-5677 ký hiệu là (2).

(2) ngã về bên trái, đầu (2) hướng vào lề phải, đuôi (2) hướng vào lề trái, tâm trục bánh xe trước và bánh xe sau đo vào mép đường chuẩn lần lượt là 01m và 1,9m. Từ tâm trục bánh xe trước (2) kéo một đoạn 0,3m hướng vào lề chuẩn là tâm vết nhớt, vết nhớt ký hiệu là (3).

(3) có hình dạng không xác định, kích thước 0,4m x 0,4m, tâm (3) đo vào lề chuẩn là 0,6m. Từ (3) kéo một đoạn dài 1,8m hướng về Tân Lân và lệch sang lề trái là bàn chân tử thi Đặng Minh T, tử thi Đặng Minh T ký hiệu là (4).

(4) nằm ngữa trên mặt đường, chân hướng vào lề phải, đầu hướng về lề trái, bàn chân phải đo vào mép đường chuẩn là 3,4m. Từ đầu (4) kéo một đoạn dài 0,6m hướng vào lề trái là tâm vết máu trên mặt đường, vết máu được ký hiệu là (5).

(5) có hình dạng không xác định, (5) có kích thước 0,8m x 0,4m, tâm (5) đo vào mép đường chuẩn là 3,9m.

Tại biên bản khám nghiệm xe mô tô biển số 51ZA - 5677, lập lúc 15 giờ 50 phút ngày 03/4/2022 xác định: Đèn chiếu sáng bị vỡ kích thước 0,12m x 0,1m; đèn chuyển hướng phía trước bên phải bị vỡ kích thước 0,8m x 0,5m; mặt kim đồng hồ km bị vỡ kích thước 0,1m x 0,1m; cung chắn bùn phía trước bị vỡ kích thước 0,13m x 0,09m; trục trước bị biến dạng; lốp xe và ruột bánh xe rơi ra ngoài; vành bánh xe trước bị biến dạng; ốp bảo vệ giảm xốc trước, bên phải có vết nứt dài 0,05m và có vết xước màu đen kích thước 0,09m x 0,02m; cần thắng bị cong về phía sau; đầu tay lái bên trái bị xước dài 0,03m.

Tại biên bản khám nghiệm xe môtô, biển số 62L1-689.54 lập lúc 15 giờ 25 phút ngày 03/4/2022, xác định: Ốp nhựa phía trên đầu xe có 02 vết xước dính lớp sơn màu đỏ có chiều dài lần lượt là 0,07m x 0,1m; đèn chiếu sáng có vết xước dính sơn màu đỏ kích thước 0,03m x 0,12m; cánh yếm bên phải bị vỡ hoàn toàn; cung chắn bùn phía trước có vết xước dính sơn màu đỏ kích thước 0,02m x 0,03m; giảm xốc bánh xe trước bên phải bị lõm kích thước 0,2m x 0,2m và có vết xước màu đen kích thước 0,03m x 0,18m; vành bánh trước có vết lõm cong kích thước 0,13m x 0,01m; cánh yếm bên trái bị nứt; đầu gác chân bên trái bị xước; ốp lốc máy bên trái bị nứt lõm vào trong có nhớt phun ra.

Căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và tài liệu thu thập có trong hồ sơ xác định vùng va chạm của 02 xe là vùng để lại vết nhớt được ký hiệu là (3), vì xe (1) và xe (2) đi ngược chiều nhau, khi 02 xe va chạm nhau làm ốp lốc máy bên trái xe (1) bị nứt, lõm vào trong, nhớt phun ra ngoài, đây là vùng va chạm của 02 xe để lại. Từ tâm (3) đo vào lề chuẩn là 0,6m.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng nêu; các lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CĐ là do bị cáo tự nguyện khai; không bị bức cung, dùng nhục hình để bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Sau khi sự việc xảy ra thì phía bị cáo và gia đình đã đến thăm hỏi, động viên, chia buồn với gia đình bị hại và bị cáo đã đi vay mượn tiền của người khác để bồi thường cho gia đình bị hại 02 lần, lần thứ nhất là 30.000.000 đồng,

lần thứ hai là 65.000.000 đồng, tổng cộng là 95.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị Phan Thị Kim L yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại là 50.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần. Bị cáo đồng ý theo yêu cầu của chị L. Đối với yêu cầu của ông Đặng Văn Nh yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho ông và yêu cầu bị cáo bồi thường tiền xây mộ cho bị hại. Bị cáo không đồng ý tiếp tục bồi thường vì bị cáo đã bồi thường trước đó cho riêng ông Nh là 65.000.000 đồng. Trường hợp Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của ông Nh thì bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền 65.000.000 đồng để khấu trừ. Hiện nay bị cáo đang làm công nhân, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Phan Thị Kim L trình bày: Bà đồng ý với nội dung Cáo trạng nêu. Trước khi xảy ra tai nạn thì chồng bà là bị hại Đặng Minh T có uống rượu với người khác. Sau khi sự việc xảy ra thì 02 bên đã thỏa thuận phần bồi thường thiệt hại, phía bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 95.000.000 đồng (chị L nhận 30.000.000 đồng, ông Nh nhận 65.000.000 đồng). Nay bà L đại diện cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ. Trường hợp Tòa án phải xét xử theo quy định của pháp luật thì đề nghị Tòa án xử bị cáo mức án nhẹ và cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự thì yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại là 50.000.000 đồng. Các khoản bồi thường khác thì không yêu cầu.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Đặng Văn Nh trình bày: Sau khi sự việc xảy ra thì 02 bên đã thỏa thuận phần bồi thường thiệt hại, phía bị cáo đã bồi thường cho chị Phan Thị Kim L là 30.000.000 đồng, bồi thường cho ông là 65.000.000 đồng. Ông thống nhất với ý kiến chị L đề nghị Hội đồng xét xử không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ. Trường hợp Tòa án phải xét xử theo quy định của pháp luật thì đề nghị Tòa án xử cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên về trách nhiệm dân sự thì yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông và tiền xây mộ cho anh Đặng Minh T.

Người làm chứng bà Phan Thị Nga khai: Sự việc diễn ra đúng như Cáo trạng nêu. Bà là người ngồi phía sau xe của bị cáo đến đoạn đường cua thì thấy phía trước có người đàn ông điều khiển chiếc xe màu đỏ chạy lạng qua lạng lại nên bà Nga có nói với bị cáo cẩn thận thấy ông phía trước chạy xe ghê quá. Sau đó thì 02 xe đụng nhau và bà được đưa đi bệnh viện điều trị nên bà không biết gì nữa. Vụ tai nạn có gây thương tích cho bà nhưng bà không yêu cầu đi giám định thương tích và bà cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn Th trình bày: ông Th và bị cáo là vợ chồng hợp pháp, xe mô tô 62L1 - 689.54 là tài sản chung của vợ chồng ông nhưng giao cho ông đứng tên. Vào ngày 03/4/2022 thì ông xuống ruộng làm, ông để xe ở nhà, chìa khóa có gắn trên xe nên vợ ông lấy xe đi ông không biết. Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện CĐ có tạm giữ xe trên và đã trả lại cho ông.

Cáo trạng số 44/CT-VKSCĐ ngày 24/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 04 đến 05 năm.

Về xử lý vật chứng: xe mô tô 62L1 – 689.54 đã trả lại cho ông Th là phù hợp. Đối với xe mô tô 51ZA – 5677 giao Công an huyện CĐ xử lý theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường 95.000.000 đồng, tại phiên tòa chị L yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 50.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con, bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu của ông Đặng Văn Nh yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường tiền tổn thất về tinh thần và tiền xây mộ cho bị hại Đặng Minh T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo đối với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát: Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, không bị oan sai. Bị cáo tha thiết xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội ở nhà đi làm trả nợ (vì số tiền bồi thường cho gia đình bị hại là gia đình bị cáo phải đi vay của người khác).

Chị Phan Thị Kim L đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Ông Đặng Văn Nh đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự thì yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông Nh và tiền xây mộ cho anh Đặng Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, bị cáo thấy ăn năn hối cải và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng*: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện CĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện

đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét về nội dung vụ án*: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thu thập như sơ đồ hiện trường, biên bản khoám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 13 giờ 50 phút ngày 03/4/2022, bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 62L1-689.54 có dung tích xy lanh 109 cm^3, lưu thông trên đường Bờ Mồi theo hướng từ xã Tân Lân đến xã PT, huyện CĐ. Khi đến đoạn đường thuộc Ấp 7, xã PT, huyện CĐ, Đ không tuân thủ luật giao thông đường bộ, điều khiển xe lấn trái dẫn đến va chạm với xe mô tô biển số 51ZA-5677 do anh Đặng Minh T điều khiển gây tai nạn làm anh T tử vong tại chỗ.

Nguyên nhân xảy ra tai nạn do bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ đã vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ.

Khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ quy định các hành vi bị nghiêm cấm:

"9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định".

Khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định:

"Người tham gia giao thông phải đi bên phải chiều đi của mình, đi đúng phần đường, làn đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ".

Tại Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

...".

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

..."

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ đã cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Căn cứ quyết định hình phạt:*

[3.1] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại tổng số tiền là 145.000.000 đồng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; đại diện người bị hại có đơn đề nghị không xử lý hình sự với bị cáo. Bên cạnh đó, bị hại có một phần lỗi (khi tham gia giao thông đường bộ thì nồng độ cồn vượt quá mức quy định 274,33mg/100ml > 50mg/100ml, gấp hơn 05 lần quy định); đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 54 của Bộ Luật hình sự, xem xét xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] *Xét hình phạt*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây hậu quả chết người, để lại đau thương mất mát cho gia đình bị hại. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để đảm bảo sức răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có việc làm ổn định. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường tốt để bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống. Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo nên áp dụng Điều 65 của Bộ Luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo.

[5] *Xét trách nhiệm dân sự*:

[5.1] Sau khi tai nạn xảy ra thì bị cáo đã bồi thường 95.000.000 đồng (bồi thường cho chị L 30.000.000 đồng, bồi thường cho ông Nh 65.000.000 đồng). Tại phiên tòa chị L yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 50.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con, bị cáo đồng ý (đã giao tiền tại phiên tòa) nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu của ông Đặng Văn Nh yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường tiền tổn thất về tinh thần và tiền xây mộ cho bị hại Đặng Minh T. Bị cáo không đồng ý tiếp tục bồi thường mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền 65.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường cho ông Nh để khấu trừ lại.

[5.2] Theo ông Nh trình bày: về chi phí mai táng của anh T thì do ông Nh bỏ tiền ra. Tuy nhiên chi phí cụ thể nhiêu thì ông không nhớ và chứng từ cụ thể ông cũng không lưu giữ. Xét thấy theo thông lệ chung trên địa bàn huyện CĐ thì chi phí hợp lý cho việc mai táng 01 đám ma là khảng 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng (Bao gồm tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, thuê xe tang và các khoản chi phí khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo thông lệ chung). Pháp luật không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ. Do đó, Hội đồng xét xử lấy mức trung bình

chi phí mai táng của anh T là 40.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông Nh giữ còn là 25.000.000 đồng.

[5.3] Đối với yêu cầu khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần thì theo quy định tại Điều 591 Bộ luật dân sự quy định như sau:

"Điều 591. Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm

1. Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm bao gồm:

a) Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật này;

b) Chi phí hợp lý cho việc mai táng;

c) Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng;

d) Thiệt hại khác do luật quy định.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tính mạng của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, nếu không có những người này thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại được hưởng khoản tiền này. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định".

Theo quy định trên thì trong trường hợp này Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt về tổn thất tinh thần cho người thân thích thuộc hàng thừa thứ nhất của anh T là 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là: 50 x 1.490.000 đống/tháng = 74.500.000 đồng. Số tiền này được chia cho 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh T là ông Đặng Văn Nh (cha), chị Phan Thị Kim L (vợ) và cháu Đặng Mỹ Duyên (con) thành tiền mỗi người được hưởng là: 74.500.000 đồng : 3 = 24.833.000 đồng. Do đó, ông Nh yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần là có căn cứ và số tiền được bồi thường là 24.833.000 đồng, số tiền này được khấu trừ vào số tiền còn lại ông Nh đang giữ là 25.000.000 đồng. Như vậy, xem như bị cáo đã bồi thường xong cho ông Nh.

[5.4] Qua phân tích tại mục [5.2] và [5.3] thì yêu cầu của ông Nh về việc yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường Th một khoản tiền tổn thất về tinh thần và tiền xây mộ cho bị hại Đặng Minh T là không được chấp nhận.

[6] *Về vật chứng, tang vật của vụ án*: quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Đều tra Công an huyện CĐ có tạm giữ xe mô tô 62L1 – 689.54 và đã trả lại cho ông Nguyễn Văn Th là phù hợp. Đối với xe mô tô 51ZA – 5677 giao Công an huyện CĐ xử lý theo thẩm quyền.

[7] *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

[2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án (16/11/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ cho Ủy ban nhân dân xã PT, huyện CĐ, tỉnh LA theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo (bị cáo Đ) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo (bị cáo Đ) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

[3.1] Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ bồi thường khoản tiền cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Mỹ Duyên (con anh T) số tiền 50.000.000 đồng (đã bồi thường xong). Số tiền này giao cho chị Phan Thị Kim L (mẹ cháu Duyên) quản lí.

[3.2] Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn Nh về việc yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ tiếp tục bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần và tiền xây mộ cho anh Đặng Minh T.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Hoàng Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LA (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh LA (01b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo (01b);
- Các đương sự (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Hữu Lộc

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:</u>

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán...,đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân(quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6)ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tênKiểm sát viênthực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu

từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thânghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thí ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họtên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải

ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự;nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhâncó liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sựvà những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)